

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Phát triển du lịch tỉnh An Giang
giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035”**

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035”, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc triển khai Đề án Phát triển du lịch hướng đến mục tiêu phát triển, đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng và từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong đóng góp GRDP của tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực khác. Nâng cao nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và Nhân dân tập trung phát triển du lịch của tỉnh.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo tính đột phá, đồng bộ, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm, có sản phẩm đặc trưng, có thương hiệu và tính cạnh tranh cao; tăng cường liên kết để tạo ra chuỗi giá trị du lịch. Theo nguyên tắc khai thác các tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, trong đó lấy yếu tố môi trường, cảnh quan, sinh thái, biển đảo và các giá trị văn hóa tâm linh làm trung tâm để phát triển các loại hình du lịch và thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đem lại lợi ích cho cộng đồng, địa phương.

- Tạo sự phát triển đồng thời bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng an ninh, đặc biệt tại khu vực biên giới, biển đảo và các địa bàn trọng điểm du lịch, gắn phát triển du lịch với giữ vững chủ quyền, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Yêu cầu

- Đề ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những giải pháp thiết thực phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, đóng góp tích cực, hiệu quả vào thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số, đưa An Giang phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải đảm bảo tính cấp thiết, khả thi, các cơ sở hạ tầng đầu tư phát triển cho du lịch phải mang tính toàn diện, lâu dài; tranh thủ từ sự hỗ trợ của Trung ương, ngân sách địa phương và cả nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

- Xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể nhằm huy động nguồn lực các cấp, các ngành và toàn xã hội cho phát triển du lịch. Xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu, qua đó phân kỳ tập trung thực hiện để đạt hiệu quả theo kế hoạch đề ra. Bảo đảm phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch quốc gia và đồng bộ với các quy hoạch, đề án phát triển du lịch của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển du lịch của tỉnh An Giang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo bước đột phá, bền vững, góp phần thúc đẩy và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các nội dung trọng tâm: (1) Chính sách phát triển du lịch; (2) Tập trung phát triển nhân lực lĩnh vực du lịch; (3) Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, công trình trọng điểm thúc đẩy phát triển du lịch; (4) Công tác quảng bá, phát triển thị trường du lịch; (5) Có cơ chế chính sách thu hút đầu tư; (6) Bảo vệ tôn tạo tài nguyên, môi trường du lịch, ứng phó biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030: Tổng lượt khách phân đầu đạt khoảng 39 - 40 triệu lượt, trong đó khách quốc tế đạt khoảng 3,2 - 3,3 triệu lượt, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu khách. Khách nội địa đạt khoảng 36 - 37 triệu lượt. Tổng thu du lịch tăng tương ứng với quy mô khách du lịch, phân đầu đến năm 2030 đạt trên 130.000 tỷ đồng. Tăng mức chi tiêu bình quân/khách thông qua nâng cấp sản phẩm và dịch vụ. Phân đầu tỷ trọng đóng góp GRDP du lịch so với GRDP toàn tỉnh đạt từ 11% trở lên.

b) Định hướng đến năm 2035: Tổng lượt khách phân đầu đạt khoảng 55 - 56 triệu lượt. Trong đó khách quốc tế đạt khoảng 4,9 - 5,0 triệu lượt, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu khách. Khách nội địa đạt khoảng 50 - 51 triệu lượt, tăng mạnh tỷ trọng khách quốc tế và khách du lịch cao cấp, tăng thời gian

lưu trú bình quân và mức chi tiêu trên đầu khách. Phấn đấu đến năm 2035 tổng thu đạt trên 324.500 tỷ đồng, tỷ trọng đóng góp GRDP du lịch so với GRDP toàn tỉnh đạt 16% - 17%, từng bước đưa du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa An Giang trở thành trung tâm du lịch biển, đảo và du lịch tổng hợp của Vùng Tây nam.

(Chi tiết kèm các Phụ lục).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Phát triển sản phẩm du lịch

Phát triển An Giang trở thành điểm đến du lịch biển đảo đạt đẳng cấp quốc tế, trung tâm du lịch xanh của khu vực, phát triển bền vững, phát triển dựa vào cộng đồng, đồng thời phát huy mạnh các giá trị lịch sử, văn hóa và tính đặc thù của từng không gian du lịch; từng bước hình thành không gian đô thị du lịch thông minh tại các khu vực trọng điểm.

- Thứ nhất, ưu tiên phát triển nhóm sản phẩm du lịch biển đảo - nghỉ dưỡng - vui chơi giải trí, sự kiện: Lầy Phú Quốc làm trung tâm hạt nhân; đây là nhóm sản phẩm chủ lực hàng đầu của du lịch An Giang, có sức cạnh tranh mạnh nhất và giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng toàn ngành. Hạt nhân phát triển là Phú Quốc, được định vị là cực tăng trưởng quốc tế, trung tâm du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí tổng hợp, du lịch MICE và kinh tế đêm của toàn tỉnh. Nhóm sản phẩm này bao gồm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái biển đảo, du lịch thám hiểm và trải nghiệm tự nhiên, du lịch du thuyền, du lịch hội nghị - hội thảo, du lịch mua sắm, thể thao biển, sân gôn, du lịch sức khỏe, vui chơi giải trí tổng hợp và kinh tế đêm.

- Thứ hai, phát triển mạnh nhóm sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh - tín ngưỡng - lễ hội - lịch sử, lấy Châu Đốc - Núi Sam - Núi Cấm - Hà Tiên - Óc Eo làm hạt nhân. Đây là nhóm sản phẩm chủ lực của du lịch An Giang, có thị trường khách nội địa lớn, ổn định và giàu bản sắc.

- Thứ ba, phát triển nhóm sản phẩm du lịch sinh thái rừng ngập nước - du lịch nông nghiệp, nông thôn - du lịch cộng đồng: Nhóm sản phẩm này được định hướng là trụ cột hỗ trợ quan trọng, góp phần đa dạng hóa trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và lan tỏa lợi ích phát triển du lịch đến khu vực nông thôn, vùng sinh thái và cộng đồng dân cư địa phương.

- Thứ tư, phát triển nhóm sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng các dân tộc và du lịch làng nghề. Nhóm sản phẩm này nhằm làm nổi bật bản sắc văn hóa đa tộc người của tỉnh An Giang, trong đó có sự giao thoa của cộng đồng Kinh - Hoa - Chăm - Khmer trên địa bàn tỉnh.

- Thứ năm, phát triển nhóm sản phẩm du lịch thể thao, giải trí - du lịch tàu biển - du lịch khám phá. Nhóm sản phẩm này được phát triển nhằm đáp ứng xu hướng du lịch trải nghiệm, du lịch năng động, tăng cường hoạt động giải trí và thu hút khách trẻ, khách chi tiêu cao. Các hoạt động chính bao gồm du lịch tàu biển, thể thao biển, dù lượn, leo núi, đi bộ, giao lưu thể thao, thể thao dưới nước,...

- Thứ sáu, phát triển nhóm sản phẩm du lịch MICE. Du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện được định hướng phát triển tại các trung tâm đô thị và ven biển có lợi thế hạ tầng như Phú Quốc, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên và các khu vực có tiềm năng khác.

- Thứ bảy, phát triển nhóm sản phẩm du lịch y tế và chăm sóc sức khỏe. Định hướng hình thành hệ thống bệnh viện lớn, bệnh viện quốc tế tại Rạch Giá, Phú Quốc, Long Xuyên; phát triển các loại hình du lịch chữa bệnh bằng thảo dược; kết hợp xây dựng các khu du lịch liệu gắn với du lịch nghỉ dưỡng tại U Minh Thượng, Núi Cấm và các khu vực có tiềm năng khác.

- Thứ tám, phát triển nhóm sản phẩm du lịch mua sắm, du lịch cửa khẩu, du lịch kết hợp thương mại biên giới. Nhóm sản phẩm này tập trung tại các khu vực có lợi thế giao thương quốc tế và kết nối liên quốc gia như Hà Tiên, Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình, Giang Thành. Nhóm sản phẩm này cần được tổ chức gắn với các hành lang kinh tế, hành lang ven biển phía Nam và chuỗi điểm đến của toàn tỉnh.

- Thứ chín, phát triển nhóm sản phẩm du lịch ẩm thực và du lịch điện ảnh. Đây là nhóm sản phẩm bổ trợ có tiềm năng nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến và làm giàu trải nghiệm du khách. Tỉnh định hướng tổ chức các sự kiện thường niên như Ngày hội du lịch và văn hóa ẩm thực, phát triển không gian ẩm thực đặc trưng tại các đô thị du lịch, khu du lịch biển đảo, điểm du lịch văn hóa - tâm linh; đồng thời nghiên cứu phát triển du lịch điện ảnh thông qua tổ chức phim trường, sản phẩm phim 3D, khai thác cảnh quan và không gian văn hóa đặc sắc của tỉnh phục vụ quay phim, giới thiệu hình ảnh điểm đến.

Phát huy lợi thế về vị trí của các khu đô thị lấn biển trong hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch, như: tại Rạch Giá, phát huy vai trò của các khu đô thị lấn biển hiện hữu và mở rộng theo mô hình đô thị dịch vụ sầm uất, trung tâm kết nối du lịch biển đảo; khu vực lấn biển Hà Tiên tại khu đô thị mới gắn liền với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử, kết nối hành lang du lịch xuyên biên giới.

1.2. Thị trường du lịch

a) Thị trường du lịch quốc tế

Giai đoạn đến năm 2030, tập trung khai thác các thị trường trọng điểm gồm: Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...), Trung Quốc; châu Âu (đặc biệt Liên bang Nga); Bắc Mỹ, châu Úc; ASEAN; Ấn Độ và các quốc gia Hồi giáo; đồng thời duy trì và mở rộng thị trường Campuchia thông qua các tuyến cửa khẩu và giao thông liên vùng.

Đến năm 2035, tỉnh định hướng mở rộng thị trường du lịch quốc tế theo chiều sâu, tập trung gia tăng tỷ trọng khách từ các thị trường xa, khách cao cấp, khách nghỉ dưỡng dài ngày, khách tàu biển và các phân khúc chuyên đề như MICE, wellness, thể thao và du lịch cưới. Đồng thời, chú trọng khai thác các thị trường mới có mức chi tiêu cao như khách Hồi giáo (Halal), khách tổ chức sự kiện và đám cưới cao cấp của giới thượng lưu, doanh nhân, đặc biệt từ Ấn Độ và các quốc gia phát triển.

b) Về thị trường khách nội địa

Đến năm 2030, tỉnh tiếp tục khai thác mạnh thị trường khách nội địa từ các đô thị lớn và các vùng kinh tế trọng điểm như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng và khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long.

Đến năm 2035, nâng cao chất lượng thị trường nội địa theo hướng tăng tỷ lệ khách có thu nhập khá và cao, kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu và chuyển dịch từ du lịch ngắn ngày sang nghỉ dưỡng, trải nghiệm và du lịch chuyên đề

1.3. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch

- Phát triển cơ sở vật chất du lịch tỉnh An Giang được định hướng theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với quy hoạch không gian du lịch, đô thị và hạ tầng giao thông, đồng thời bảo đảm yếu tố môi trường và phát triển bền vững.

- Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch. Đến năm 2030, tỉnh An Giang định hướng phát triển hệ thống cơ sở lưu trú theo hướng đa dạng loại hình, nâng cao chất lượng và phân bố hợp lý theo không gian du lịch; trong đó Phú Quốc tập trung phát triển phân khúc cao cấp, các đô thị như Rạch Giá, Hà Tiên, Long Xuyên, Châu Đốc (*hiện là phường Vĩnh Tế và phường Châu Đốc*) phát triển khách sạn 3 - 5 sao, còn các khu vực sinh thái ưu tiên mô hình homestay, farmstay, bungalow, nghỉ dưỡng gắn với cộng đồng,... Đến năm 2035, hệ thống lưu trú từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế, hình thành các khu nghỉ dưỡng quy mô lớn, khu du lịch tổng hợp và các cơ sở lưu trú sinh thái chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách trong nước và quốc tế.

- Tập trung đầu tư các khu, điểm du lịch trọng điểm nhằm tạo động lực cho toàn ngành, trong đó Phú Quốc phát triển thành trung tâm du lịch quốc tế với hệ sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí và dịch vụ cao cấp; Hà Tiên - Kiên Lương và phụ cận phát triển du lịch biển, sinh thái và văn hóa; Châu Đốc - Núi Sam - Núi Cấm và vùng Bảy Núi - Óc Eo đẩy mạnh du lịch tâm linh, sinh thái; Long Xuyên, chợ mới, Cù Lao Giêng phát triển du lịch sông nước, văn hóa và cộng đồng; U Minh Thượng phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên.

- Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất dịch vụ phục vụ du lịch. Phát triển hệ thống nhà hàng, đặc biệt phát triển hệ thống nhà hàng cao cấp tại một số khu vực trọng điểm. Đầu tư phát triển các dịch vụ gồm trung tâm thông tin, điểm dừng chân, bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn; phố đi bộ, chợ đêm, trung tâm mua sắm; đầu tư bến tàu, cảng du lịch và vận tải thủy, vận tải biển,... Đồng thời, khuyến khích phát triển các khu vui chơi giải trí hiện đại, công viên chuyên đề, trung tâm MICE và dịch vụ du lịch ban đêm nhằm nâng cao giá trị chi tiêu của du khách.

- Phát triển hạ tầng du lịch thông minh tập trung ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phục vụ du lịch, thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng quản lý điểm đến, bản đồ số, ứng dụng du lịch thông minh và các dịch vụ trực tuyến. Đồng thời phát triển Wi-Fi công cộng, thanh toán không tiền mặt và hệ thống đặt dịch vụ trực tuyến,...

- Đến năm 2035, hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý và trải nghiệm du khách.

1.4. Nguồn nhân lực phục vụ du lịch

- Phát triển nguồn nhân lực du lịch được triển khai đồng bộ giữa đào tạo mới, đào tạo lại và nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển sản phẩm du lịch. Tập trung phát triển toàn diện các nhóm nhân lực gồm quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp, lao động trực tiếp, nhân lực du lịch cộng đồng và nhân lực phục vụ chuyên đổi số.

Tập trung nâng cao năng lực đào tạo nghề du lịch của các trường cao đẳng nghề, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo hướng chuẩn hóa kỹ năng nghề. Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp du lịch trong và ngoài tỉnh để thực hiện mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng. Đồng thời, đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất thực hành hiện đại và khuyến khích biên soạn các chương trình đặc thù gắn liền với thế mạnh du lịch tâm linh, văn hóa vùng đồng bào dân tộc (Khmer, Chăm) và sinh thái đặc trưng của An Giang nhằm chuẩn hóa chất lượng lực lượng lao động trực tiếp tại các khu, điểm du lịch.

- Giai đoạn 2025 - 2030 chú trọng đào tạo thực hành, kỹ năng nghề, ngoại ngữ và kỹ năng số, quản lý du lịch. Đào tạo theo nhu cầu và theo đơn đặt hàng

của đơn vị sử dụng lao động. Hợp tác đào tạo gắn với thực hành, thực tập nghề tại doanh nghiệp.

- Giai đoạn 2031 - 2035 chuyển sang chuẩn hóa, nâng cao chất lượng và phát triển nhân lực du lịch chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Liên kết đào tạo chất lượng cao, hướng tới trung tâm đào tạo và bồi dưỡng du lịch của vùng.

1.5. Công tác quảng bá, nhận diện thương hiệu du lịch

- Đến năm 2030, công tác quảng bá và nhận diện thương hiệu du lịch An Giang được triển khai đồng bộ, có hệ thống, bảo đảm hình ảnh điểm đến được nhận diện rõ trong nước như một trung tâm du lịch xanh, biển đảo, sinh thái, văn hóa và tâm linh đặc sắc của khu vực.

- Đến năm 2035, thương hiệu du lịch An Giang được củng cố theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có sức cạnh tranh cao hơn trong khu vực; hệ thống truyền thông du lịch vận hành trên nền tảng số; bộ nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất; hoạt động quảng bá chuyển mạnh theo hướng dữ liệu, đa nền tảng và có tính liên kết cao, góp phần nâng cao vị thế điểm đến, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và tăng sức cạnh tranh của du lịch tỉnh trong dài hạn.

1.6. Tổ chức không gian phát triển du lịch

a) Định hướng các vùng phát triển du lịch

- Vùng du lịch biển đảo Phú Quốc: Phát triển Phú Quốc trở thành trung tâm du lịch biển đảo quốc tế, cực tăng trưởng động lực của tỉnh, giữ vai trò cửa ngõ đón khách quốc tế và trung chuyển du lịch trong khu vực. Tập trung phát triển các sản phẩm nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, MICE, kinh tế đêm, du thuyền và thể thao biển, du lịch sức khỏe, hướng đến phân khúc khách có khả năng chi tiêu cao. Thổ Châu sẽ phát triển du lịch ưu tiên mô hình du lịch sinh thái biển đảo, nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm - khám phá, du lịch cộng đồng quy mô phù hợp, gắn với bảo tồn tài nguyên và đảm bảo quốc phòng - an ninh biển đảo.

- Vùng du lịch Rạch Giá - Kiên Hải và phụ cận: Phát triển Rạch Giá - Kiên Hải trở thành trung tâm du lịch ven biển và đầu mối trung chuyển quan trọng, kết nối đất liền với các đảo và các vùng du lịch biển đảo. Tập trung phát triển du lịch sinh thái biển, đảo, nghỉ dưỡng, văn hóa - lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo; du lịch làng nghề; ẩm thực, thể thao và du lịch cộng đồng. Hình thành hệ thống sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhiều phân khúc thị trường.

- Vùng du lịch văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo Núi Sam - Châu Phong - Khánh Bình và phụ cận: Xây dựng thành trung tâm du lịch tâm linh,

hành hương lớn của tỉnh và khu vực, gắn với không gian văn hóa đa dân tộc và sinh thái núi đặc trưng. Tập trung khai thác các giá trị di tích, lễ hội tiêu biểu, kết hợp du lịch tham quan, nghỉ dưỡng và khám phá, văn hóa lịch sử, thể thao mạo hiểm và du lịch văn hóa đa dân tộc.

- Vùng du lịch Long Xuyên - Chợ Mới - Cù Lao Giêng và phụ cận: Phát triển thành không gian du lịch gắn với đô thị. Phát triển du lịch đô thị, hội nghị, hội thảo, sông nước, văn hóa - lịch sử, ẩm thực, làng nghề, mua sắm và du lịch cộng đồng. Đồng thời, bảo tồn và khai thác các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, kết nối các tuyến du lịch đường bộ và đường thủy, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch cộng đồng, làng nghề, trải nghiệm nông nghiệp và du lịch văn hóa đặc trưng.

- Vùng du lịch Hà Tiên - Kiên Lương - Sơn Hải - Hải Tặc và phụ cận: Phát triển không gian du lịch tổng hợp biển, núi, biên giới, có giá trị đặc biệt về tài nguyên biển đảo, hệ thống núi đá vôi, đầm sinh thái, cảnh quan thiên nhiên độc đáo và hệ thống di sản văn hóa - lịch sử phong phú. Phát triển du lịch văn hóa gắn với lễ hội, tín ngưỡng, lịch sử; du lịch nghỉ dưỡng biển; du lịch sinh thái biển và đầm nước; du lịch tham quan di tích, danh thắng; du lịch thể thao, mạo hiểm, săn gôn; du lịch phố đi bộ, mua sắm; du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và giải trí; đồng thời phát triển du lịch liên quốc gia qua cửa khẩu Hà Tiên, hình thành các tuyến, sản phẩm du lịch kết nối xuyên biên giới. Phấn đấu đến năm 2030, Hà Tiên trở thành Khu du lịch Quốc gia (theo Quyết định số 374/QĐ-BVHTTDL ngày 28/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Vùng du lịch Núi Cấm - Tri Tôn - Óc Eo và phụ cận: Phát triển trở thành trung tâm du lịch sinh thái núi, nghỉ dưỡng và hành hương, kết hợp các sản phẩm du lịch mạo hiểm, thể thao, văn hóa lịch sử, phim trường, văn hóa dân tộc và du lịch về nguồn. Khai thác không gian Bảy Núi, các di tích lịch sử - khảo cổ Óc Eo, làng nghề truyền thống và chợ vùng biên để tạo sản phẩm đặc trưng. Đồng thời, đầu tư nâng cấp hạ tầng, phát triển lưu trú sinh thái (homestay, bungalow, resort nhỏ), hoàn thiện ện dịch vụ du lịch; gắn phát triển du lịch với bảo tồn cảnh quan, văn hóa và sinh kế cộng đồng.

- Vùng du lịch sinh thái U Minh Thượng, rừng tràm Trà Sư và phụ cận: Phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái rừng ngập nước đặc thù, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học và du lịch cộng đồng bền vững. Tập trung khai thác các sản phẩm du lịch sinh thái rừng tràm, trải nghiệm thiên nhiên, quan sát động thực vật, du lịch về nguồn, làng nghề và du lịch nông nghiệp.

b) Định hướng phát triển các tuyến du lịch

- Phát triển hệ thống tuyến du lịch theo hướng liên kết đa không gian, đa phương thức, tăng cường kết nối nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế. Tổ chức các tuyến du lịch gắn với khai thác tổng hợp các lợi thế biển đảo, sông nước, núi, đồng bằng và cửa khẩu biên giới, đồng thời nâng cao tính liên kết giữa các vùng du lịch trọng điểm.

- Hình thành các hành trình du lịch đa dạng, có chiều sâu trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao mức chi tiêu của du khách. Hệ thống tuyến du lịch được định vị theo các nhóm chính: nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế đường bộ - đường thủy, quốc tế đường biển và các tuyến du lịch kết nối đường hàng không.

- Các tuyến du lịch nội tỉnh

+ Tuyến 1: Phú Quốc - Hà Tiên - Núi Cấm - Núi Sam - Châu Đốc.

+ Tuyến 2: Rạch Giá - Kiên Hải - Nam Du - Lại Sơn.

+ Tuyến 3: Rạch Giá - Hà Tiên - Kiên Lương - Sơn Hải - Hải Tặc - Bà Lụa.

+ Tuyến 4: Long Xuyên - Mỹ Hòa Hưng - Chợ Mới - Cù Lao Giêng.

+ Tuyến 5: Châu Đốc - cửa khẩu Tịnh Biên - rừng trà Trà Sư - Núi Cấm - Khu di chỉ Óc Eo - Điểm du lịch Đồi Túc Dục - Búng Bình Thiên.

+ Tuyến 6: Rạch Giá - U Minh Thượng - Vĩnh Thuận - Vĩnh Phong - sông Cái Lớn.

* Tuyến 7: Hà Tiên - (Mũi Nai - Đầm Đông Hồ - Thạch Động - Chùa Hang) - Kiên Lương.

- Các tuyến du lịch liên tỉnh

+ Châu Đốc - Long Xuyên - Cần Thơ - Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quốc lộ 91).

+ Cần Thơ - Long Xuyên - Châu Đốc.

+ Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau (theo trục ven biển).

+ Long Xuyên - Chợ Mới - Đồng Tháp.

+ Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Long Xuyên - Óc Eo - Thoại Sơn.

- Các tuyến du lịch quốc tế đường bộ và đường thủy: Các tuyến trọng điểm gồm:

+ Châu Đốc - Tịnh Biên - BoKor - Sihanoukville (Campuchia).

+ Châu Đốc - Phnom Penh - Tonle Sap - Siem Reap - Kampong Cham.

+ Cần Thơ - Long Xuyên - Châu Đốc - Phnom Penh (theo sông Hậu).

+ Châu Đốc - Hà Tiên theo kênh Vĩnh Tế.

+ Tịnh Biên - Hà Tiên - Campuchia - Nam Thái Lan.

- *Các tuyến du lịch quốc tế đường biển và tuyến ven biển xuyên biên giới*

Các tuyến ưu tiên gồm:

+ Phú Quốc - Sihanoukville (Campuchia).

+ Phú Quốc - Thái Lan.

+ Phú Quốc - Malaysia.

Bên cạnh đó, quan tâm phát triển: Tuyến du lịch đường bộ ven biển xuyên biên giới kết nối Phú Quốc/Hà Tiên - Kiên Lương - Rạch Giá - Cà Mau - Campuchia - Nam Thái Lan.

- *Các tuyến du lịch kết nối đường hàng không*

+ *Tuyến trục quốc tế* → Phú Quốc hoặc mở rộng Tuyến trục quốc tế → Phú Quốc → nội vùng An Giang.

+ *Tuyến nội địa* → Rạch Giá → Long Xuyên → Châu Đốc.

+ *Tuyến nội địa* → Phú Quốc → Hà Tiên → Châu Đốc → Long Xuyên.

(Đây là tuyến liên hoàn: “Biển - Đồng bằng - Tâm linh”).

1.7. Đầu tư phát triển du lịch

a) *Về đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội kết hợp phục vụ du lịch:* Huy động đa dạng nguồn lực (FDI, ODA, PPP...) để đầu tư các công trình hạ tầng chiến lược như cao tốc, đường ven biển, sân bay, cảng biển và logistics, tạo nền tảng phát triển kinh tế và du lịch. Ưu tiên hình thành các trục kết nối quan trọng gồm trục dọc nội vùng (Long Xuyên - Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc) và trục ngang liên vùng (Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau), tăng cường liên kết với các địa phương Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Campuchia. Đồng thời, phát triển đồng bộ các trục động lực (ven biển, trung tâm vùng, đô thị nội tỉnh, biên giới) và các trục hỗ trợ nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông - logistics. Hạ tầng hàng không, cảng biển và đường thủy được nâng cấp, mở rộng, đặc biệt tại Phú Quốc, Rạch Giá và các đảo, góp phần thúc đẩy kết nối, thu hút đầu tư và phát triển du lịch bền vững.

b) *Đầu tư các dự án hạ tầng du lịch:* Đẩy mạnh hợp tác công - tư, huy động các nguồn lực xã hội trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng du lịch, cải thiện khả năng cạnh tranh về chi phí logistics, nhân lực,...

+ Giai đoạn 2025 - 2027 ưu tiên các công trình trọng điểm phục vụ APEC 2027 và nâng cao năng lực đón khách.

+ Giai đoạn 2028 - 2030 và định hướng đến 2035 mở rộng đầu tư các khu vực tiềm năng, hoàn thiện kết nối liên vùng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

c) Đầu tư nâng cấp, mở rộng, phát triển các sân bay theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Cảng hàng không Phú Quốc: Quy hoạch đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn cấp 4E, xây dựng thêm 1 nhà ga để nâng tổng công suất lên 10 triệu hành khách/năm.

- Cảng hàng không Rạch Giá: Giai đoạn đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn cấp 4C, mở rộng nhà ga đảm bảo tổng công suất lên 0,5 triệu hành khách/năm.

- Cảng hàng không Thổ Chu: Giai đoạn trước 2030, là cảng lưỡng dụng đạt tiêu chuẩn cấp 4C, với diện tích 232ha, đường băng dài 2.400m, có khả năng phục vụ các loại máy bay như A320, A321, công suất 1,0 triệu hành khách/năm. Định hướng nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp 4E trong giai đoạn đến 2050.

Xem xét, bố trí một số sân bay thủy phi cơ tại các vị trí sau:

+ Rạch Giá: Vị trí tại khu lấn biển Tây Bắc Rạch Giá.

+ Phú Quốc: Vị trí tại khu vực cầu cảng Phú Quốc tại Dương Đông, khu vực Bãi Vòng, An Thới và Gành Dầu.

+ Kiên Lương: Vị trí tại khu vực Hòn Chông.

+ An Biên: Vị trí tại khu vực xã Tây Yên.

+ Các vị trí khác: tại vùng nước xung quanh các đặc khu Thổ Châu, đặc khu Kiên Hải hoặc khu vực ven biển đất liền, tại các cửa sông lớn và các đô thị ven sông... khi có nhu cầu.

d) Nâng cấp, phát triển hàng hải và cảng biển

- Khu bến Mỹ Thới: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; có bến tổng hợp, container.

- Khu bến Bình Long: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; có bến tổng hợp, bến khách.

- Khu bến Rạch Giá: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là đầu mối giao lưu với Phú Quốc, các đảo Tây Nam; có bến tổng hợp, bến khách đa năng tiếp nhận tàu chở khách ven biển và phà biển.

- Khu bến Hòn Chông: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có bến tổng hợp, hàng lỏng/khí và bến khách.

- Khu bến Bình Trị - Kiên Lương: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; có bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí và bến khách.

- Khu bến Bãi Nò - Hà Tiên: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và khu kinh tế cửa khẩu; có bến cảng tổng hợp, bến khách.

- Khu bến Phú Quốc (bến cảng hành khách quốc tế Phú Quốc): Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đặc khu Phú Quốc; có bến hành khách quốc tế kết hợp làm hàng tổng hợp.

- Các bến cảng An Thới, Vịnh Đầm, Bãi Vòng, Mũi Đất Đỏ: Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đặc khu Phú Quốc; có bến tổng hợp, hàng lỏng/khí, bến khách, phà biển, bến du thuyền.

- Bến cảng tại quần đảo Nam Du: Khu bến cảng tổng hợp tiềm năng phát triển có điều kiện phụ thuộc vào nhu cầu và năng lực của nhà đầu tư.

- Bến cảng Thổ Châu: phục vụ du lịch và kinh tế - xã hội đảo Thổ Châu và các đảo lân cận, đáp ứng nhu cầu thông qua hành khách từ 0,59 - 0,63 triệu lượt khách.

- Các bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh, trú bão: Bố trí tại khu vực Mỹ Thới, Châu Phú, Rạch Giá, Hòn Chông, Kiên Lương, Bãi Nò, Phú Quốc, Nam Du, Thổ Châu và khu vực khác có đủ điều kiện.

e) *Đầu tư hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển du lịch*: Đây mạnh đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông là nền tảng thúc đẩy du lịch thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý, quảng bá và trải nghiệm du khách. Trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch tập trung trên nền GIS, hệ thống quản lý và điều hành du lịch thông minh. Đồng thời, phát triển các nền tảng số phục vụ du khách như cổng thông tin, ứng dụng di động, bản đồ số, thanh toán không tiền mặt và đặt dịch vụ trực tuyến. Đầu tư hạ tầng viễn thông, Wi-Fi công cộng tại các điểm du lịch; kết hợp cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng dịch vụ công trực tuyến.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương liên quan đến phát triển du lịch, đặc biệt là cơ chế chính sách đặc thù cho Phú Quốc.

- Rà soát, đề xuất xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ nhằm thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và từng bước trở thành ngành

kinh tế mũi nhọn, tập trung vào ưu đãi đầu tư (đất đai, thuế, tín dụng), hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực du lịch, nâng cao sinh kế cộng đồng, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, phát triển sản phẩm, xúc tiến và phát triển thị trường, liên kết phát triển du lịch,... Chú trọng bảo tồn giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm đặc thù và mở rộng thị trường, tăng cường xúc tiến quảng bá.

- Cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa và liên kết phát triển du lịch trong và ngoài tỉnh.

2.2. Giải pháp về quy hoạch và quản lý quy hoạch phát triển du lịch

a) Công tác rà soát và triển khai quy hoạch du lịch: Tổ chức rà soát, cập nhật và triển khai các quy hoạch, đề án, định hướng phát triển du lịch đã ban hành, bảo đảm thống nhất với Đề án phát triển du lịch tỉnh và Quy hoạch tỉnh sau sáp nhập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên các đề án trọng điểm về sản phẩm, hạ tầng, chuyển đổi số và nhân lực. Việc triển khai được phân kỳ theo 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2025 - 2027 tập trung rà soát, hoàn thiện quy hoạch và đầu tư hạ tầng khung.

- Giai đoạn 2028 - 2030 phát triển đồng bộ sản phẩm và không gian du lịch.

- Giai đoạn 2031 - 2035 nâng cao chất lượng và khai thác chiều sâu.

b) Tăng cường quản lý quy hoạch và kiểm soát sử dụng đất và dự án du lịch

- Quản lý quy hoạch gắn với kiểm soát chặt chẽ sử dụng đất du lịch, công khai ranh giới và quản lý quỹ đất theo quy hoạch, hạn chế phát triển tự phát. Các dự án du lịch phải được thẩm định nghiêm ngặt, bảo đảm phù hợp quy hoạch, môi trường và quốc phòng - an ninh.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý và giám sát dự án; kiểm soát phát triển tại các khu sinh thái, biển đảo theo hướng bền vững, bảo vệ tài nguyên, văn hóa và môi trường. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng điểm đến và năng lực cạnh tranh du lịch.

2.3. Giải pháp về các nguồn vốn đầu tư

a) Về thu hút và sử dụng các nguồn vốn

- Thu hút, huy động đa dạng nguồn vốn phát triển du lịch, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò “vốn mồi” đầu tư hạ tầng thiết yếu và dẫn dắt các nguồn lực khác. Vốn xã hội hóa là chủ đạo, tập trung vào các dự án du lịch, dịch

vụ và chuyển đổi số; đồng thời đẩy mạnh hợp tác PPP cho các công trình hạ tầng quy mô lớn.

- Thu hút FDI có chọn lọc vào các dự án chất lượng cao và sử dụng ODA, tài trợ quốc tế cho các lĩnh vực bền vững như môi trường, đào tạo và chuyển đổi số,... Việc huy động vốn bảo đảm hiệu quả, minh bạch và gắn với phát triển du lịch bền vững.

b) Cơ chế huy động và phân bổ nguồn vốn đầu tư

- Cơ chế huy động và phân bổ vốn phát triển du lịch An Giang được thực hiện theo hướng đa nguồn, có trọng tâm và phân kỳ hợp lý. Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt đầu tư hạ tầng thiết yếu; vốn xã hội hóa và doanh nghiệp là động lực chính; PPP và FDI tập trung cho các dự án quy mô lớn, chất lượng cao; ODA hỗ trợ các lĩnh vực nền tảng như môi trường, đào tạo và chuyển đổi số,...

- Việc phân bổ vốn ưu tiên cho các khu du lịch trọng điểm, hạ tầng kết nối, sản phẩm du lịch chủ lực và chuyển đổi số, bảo đảm hiệu quả và lan tỏa. Giai đoạn 2025 - 2027 tập trung hoàn thiện hạ tầng, phục vụ APEC 2027; giai đoạn 2028 - 2035 mở rộng không gian phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển đồng đều toàn tỉnh.

2.4. Giải pháp về cơ sở vật chất cho ngành du lịch

a) Hạ tầng giao thông phục vụ du lịch

- Phát triển hạ tầng giao thông du lịch theo hướng đồng bộ, đa phương thức, bảo đảm kết nối hiệu quả từ liên vùng đến từng khu, điểm du lịch. Trọng tâm là nâng cấp đường bộ đến các điểm du lịch, phát triển giao thông đường thủy, đường biển và khai thác hiệu quả kết nối hàng không; đồng thời hoàn thiện các công trình hỗ trợ như bãi đỗ xe, bến tàu du lịch, cảng hàng không, điểm dừng chân, biển chỉ dẫn,...

- Giai đoạn 2025 - 2030 tập trung tăng cường kết nối liên vùng, quốc tế và hạ tầng phục vụ các khu du lịch trọng điểm; đến 2035 hình thành mạng lưới giao thông nội tỉnh hoàn chỉnh, phân bổ dòng khách hợp lý. Song song đó, đẩy mạnh phát triển giao thông thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý và điều hành, gắn với yêu cầu an toàn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

b) Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại khu, điểm du lịch

- Đẩy mạnh, ưu tiên hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại các khu, điểm du lịch, bao gồm điện, nước, thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng, viễn thông và hạ tầng số,... nhằm bảo đảm vận hành ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Giai đoạn đầu tập trung vào các khu du lịch trọng điểm và điểm đến có tiềm năng nhưng hạ tầng còn hạn chế; đồng thời áp dụng giải pháp thân thiện môi trường tại các khu sinh thái, biển đảo. Việc đầu tư phải gắn với hệ thống bảo vệ môi trường, an toàn và cứu hộ, tạo nền tảng cho phát triển du lịch bền vững.

c) Phát triển hệ thống lưu trú, ăn uống và các dịch vụ phục vụ du khách

- Giai đoạn 2025 - 2030 ưu tiên đầu tư, nâng cấp và xã hội hóa các cơ sở lưu trú, ăn uống và dịch vụ tại các khu du lịch trọng điểm, bảo đảm đa dạng phân khúc và phù hợp đặc thù từng vùng.

- Định hướng đến năm 2035, hình thành hệ thống lưu trú chất lượng cao tại các khu động lực; phát triển lưu trú sinh thái, cộng đồng tại vùng đặc thù; đồng thời hoàn thiện hệ thống ẩm thực và dịch vụ bổ trợ như mua sắm, giải trí, vận chuyển, góp phần tạo chuỗi dịch vụ đồng bộ, nâng cao trải nghiệm và phát triển du lịch bền vững.

d) Trung tâm thông tin du khách và hạ tầng xã hội hỗ trợ hoạt động du lịch

- Giai đoạn 2025 - 2030, ưu tiên xây dựng mạng lưới trung tâm thông tin tại các khu vực trọng điểm, tích hợp công nghệ số, kết nối với hệ thống du lịch thông minh và hỗ trợ du khách toàn diện. Song song đó, đầu tư hạ tầng xã hội như y tế, thương mại, bưu chính, văn hóa, thể thao, dịch vụ công cộng tại các khu du lịch, điểm du lịch, điểm tham quan du lịch.

- Đến năm 2035, hình thành hệ thống đồng bộ, hiện đại, góp phần nâng cao trải nghiệm và phát triển du lịch bền vững.

e) *Hạ tầng và cơ sở vật chất cho du lịch thông minh*: Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch, nền tảng số, cổng thông tin và ứng dụng du lịch thông minh; đầu tư Wi-Fi công cộng, kiosk tra cứu, QR, camera giám sát và các thiết bị số tại điểm đến. Đồng thời phát triển hệ thống điều hành và hỗ trợ du khách theo thời gian thực để nâng cao hiệu quả quản lý và trải nghiệm du lịch.

2.5. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước và quản trị du lịch

- Giai đoạn 2025 - 2030 tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp và điểm đến về chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ và quản trị du lịch hiện đại. Đồng thời, tăng cường hợp tác đào tạo quốc tế, cập nhật xu hướng mới và khuyến khích đào tạo chuyên sâu.

- Đến năm 2035, hình thành đội ngũ quản lý có năng lực chiến lược, am hiểu chuyển đổi số và quản trị điểm đến du lịch bền vững.

b) Phát triển nguồn nhân lực trực tiếp phục vụ du lịch

- Tập trung nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng giao tiếp, thái độ phục vụ, ngoại ngữ, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và ứng dụng công nghệ cho lao động trong các cơ sở dịch vụ du lịch. Đào tạo theo hướng thiết thực, gắn với nhu cầu doanh nghiệp và đặc thù từng loại hình, đặc biệt chú trọng du lịch cộng đồng, homestay, farmstay, các loại hình nghỉ dưỡng gắn với cộng đồng,... Đồng thời, tăng cường liên kết với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để cung ứng lao động chất lượng.

- Đến năm 2035, hình thành lực lượng lao động chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

c) Tăng cường đào tạo cộng đồng và thu hút nhân lực chất lượng cao

- Đẩy mạnh đào tạo cộng đồng tham gia du lịch nhằm nâng cao kỹ năng, nhận thức bảo vệ tài nguyên và phát triển sản phẩm đặc trưng, nhất là tại các khu du lịch cộng đồng, sinh thái. Đồng thời, triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn, thực tiễn, phù hợp điều kiện địa phương. Xây dựng cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quản lý, marketing, phát triển sản phẩm và chuyển đổi số.

- Đến năm 2035, hình thành lực lượng lao động du lịch vừa có nguồn tại chỗ, vừa có nhân lực chất lượng cao, bảo đảm phát triển chuyên nghiệp và bền vững.

2.6. Giải pháp về phát triển thị trường và sản phẩm du lịch, nâng cao mức chi tiêu của du khách

a) Giải pháp phát triển thị trường du lịch

- Phát triển thị trường du lịch nội địa: Tập trung khai thác mạnh các thị trường trọng điểm gồm Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, Cần Thơ, Thủ đô Hà Nội,... các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và toàn bộ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Phấn đấu đến năm 2035, thị trường nội địa phát triển theo hướng đa dạng, ổn định và giá trị cao hơn.

- Phát triển thị trường quốc tế trọng điểm: Tập trung vào các thị trường trọng điểm như: Đông Bắc Á, châu Âu, Bắc Mỹ, châu Úc, ASEAN, Ấn Độ, Hàn Quốc, thị trường Halal và Trung Đông,... Phú Quốc giữ vai trò trung tâm thu hút và phân phối khách quốc tế, ưu tiên các phân khúc nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, MICE, du thuyền, golf, thể thao biển, chăm sóc sức khỏe và khách chi tiêu cao. Đồng thời, phát triển thêm phân khúc khách siêu cao cấp và mở

rộng thị trường qua các tuyến liên quốc gia, kết nối Phú Quốc với các vùng trong tỉnh.

- Đến năm 2035, hình thành hai trục thị trường chính: biển đảo cao cấp và văn hóa - tâm linh - sinh thái - cửa khẩu, nâng cao giá trị và vị thế điểm đến

b) Đẩy mạnh phát triển, đa dạng hóa sản phẩm du lịch

- Phát triển sản phẩm du lịch theo hướng gắn với từng không gian và nhóm khách mục tiêu, bảo đảm nâng cao cả chất lượng và tính đa dạng.

- Xây dựng các sản phẩm đặc thù mang thương hiệu riêng của tỉnh gắn với tài nguyên nổi bật như biển đảo, văn hóa Óc Eo, văn hóa cộng đồng các dân tộc, du lịch tâm linh, sinh thái, làng nghề và ẩm thực địa phương,...; hình thành các sản phẩm biểu tượng, chương trình trải nghiệm đặc sắc (show thực cảnh, lễ hội, festival, sự kiện quốc tế, mô hình "Làng văn hóa" Kinh, Hoa, Khmer, Chăm phục vụ du lịch,...); phát triển các sản phẩm mới như du lịch sức khỏe, thể thao, sự kiện, điện ảnh (phim 3D, phim trường), nông nghiệp công nghệ cao và các sản phẩm chuyên đề,... nhằm thu hút phân khúc khách chi tiêu cao.

c) Nâng cao mức chi tiêu và kéo dài thời gian lưu trú của du khách

- Thu hút phân khúc khách có khả năng chi tiêu cao thông qua phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng như nghỉ dưỡng cao cấp, MICE, du lịch sức khỏe, biển đảo và các trải nghiệm độc đáo (du thuyền, thể thao biển, sự kiện quốc tế,...).

- Cải thiện môi trường du lịch, hạ tầng và hệ sinh thái dịch vụ đồng bộ để đáp ứng nhu cầu khách cao cấp. Đẩy mạnh đa dạng hóa dịch vụ bổ trợ như mua sắm, ẩm thực, giải trí, kinh tế ban đêm, phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP, quà lưu niệm và các trung tâm mua sắm, giải trí cao cấp nhằm gia tăng chi tiêu tại điểm đến.

- Ứng dụng công nghệ số và liên kết doanh nghiệp nhằm hình thành chuỗi dịch vụ đồng bộ, qua đó kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao hiệu quả khai thác du lịch.

2.7 Giải pháp về xúc tiến quảng bá

Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến gắn với sản phẩm du lịch đặc thù:

- Xúc tiến, quảng bá bám sát các sản phẩm đặc thù của từng không gian du lịch như biển đảo, nghỉ dưỡng, tâm linh, sinh thái, văn hóa vùng biên, vui chơi giải trí, làng nghề, du lịch cộng đồng, sức khỏe, thể thao và sản phẩm cao cấp, du lịch về nguồn,...

- Tăng cường xúc tiến gắn với liên kết không gian và mở rộng thị trường khách: Cần đẩy mạnh quảng bá theo các hành trình và cụm sản phẩm liên kết, kết nối giữa các điểm đến trọng điểm như Châu Đốc, Bảy Núi, Trà Sư, Hà Tiên, Kiên Lương, Phú Quốc và các đảo.

Đẩy mạnh marketing số và ứng dụng công nghệ:

- Marketing số trở thành nội dung trọng tâm trong xúc tiến du lịch, thông qua việc xây dựng cổng thông tin du lịch, phát triển nội dung số chuyên nghiệp, quảng bá trên mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ số, công nghệ mới như AI, phim 3D, thực tế ảo, thực tế tăng cường, mã QR và dữ liệu số để nâng cao hiệu quả quảng bá và tiếp cận thị trường

Tổ chức sự kiện, lễ hội và hoạt động chuyên đề:

- Nâng cao chất lượng các lễ hội truyền thống và phát triển thêm các sự kiện mới về du lịch, thể thao, ẩm thực, sinh thái, chăm sóc sức khỏe và văn hóa để tạo điểm nhấn truyền thông, thu hút khách quanh năm. Tham gia các hội chợ, hội nghị, hội thảo, sự kiện du lịch trong nước và quốc tế.

- Tổ chức các sự kiện hoạt động có tính mới, sáng tạo trong công tác xúc tiến quảng bá du lịch của tỉnh. Hoàn thiện cơ chế xúc tiến, quảng bá theo hướng chuyên nghiệp. Huy động được các nguồn lực, các thành phần và cộng đồng tham gia. Công tác xúc tiến, quảng bá cần được tổ chức đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và gắn chặt với chiến lược phát triển thị trường, sản phẩm và thương hiệu điểm đến.

2.8. Giải pháp về bảo vệ, tôn tạo tài nguyên, môi trường du lịch và ứng phó với biến đổi khí hậu

- *Tăng cường quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch:* Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường vào quy hoạch, đầu tư và khai thác du lịch; tăng cường phối hợp liên ngành, kiểm tra, giám sát và huy động nguồn lực xã hội để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên, cảnh quan và xây dựng điểm đến an toàn, văn minh.

- *Bảo tồn, khai thác hợp lý tài nguyên và kiểm soát ô nhiễm:* Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch; xác định khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, khai thác có kiểm soát và phục hồi; ưu tiên bảo vệ hệ sinh thái nhạy cảm, di tích và không gian văn hóa. Đồng thời kiểm soát chặt chất thải, giảm nhựa dùng một lần, phát triển du lịch xanh, nâng cao chất lượng môi trường và vai trò của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên.

- *Đẩy mạnh tuyên truyền, ứng dụng công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu*: Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp, cộng đồng và du khách; ứng dụng công nghệ số, GIS trong giám sát tài nguyên. Chủ động lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch, nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro, phát triển du lịch sinh thái, các loại hình du lịch ít tác động đến tài nguyên, thân thiện môi trường và bảo đảm phát triển bền vững lâu dài.

2.9. Các giải pháp khác

Bên cạnh các nhóm giải pháp về hạ tầng, sản phẩm, nguồn nhân lực, thị trường, xúc tiến quảng bá và bảo vệ tài nguyên, cần quan tâm triển khai một số giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng giá trị gia tăng từ du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách như hoàn thiện cơ chế quản trị liên kết vùng và điều phối phát triển du lịch trong nội tỉnh, phát triển kinh tế du lịch ban đêm, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và nâng cao trải nghiệm du lịch và các giải pháp khác.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các sở, ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ và thực hiện theo quy định tài chính; thực hiện lồng ghép kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn ngân sách nhà nước. Kinh phí ngoài ngân sách và từ các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Du lịch

- Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch tại các địa phương vào thời điểm lễ hội, ngày lễ tết tại các khu, điểm du lịch tập trung đông khách du lịch; thiết lập đường dây nóng tại các khu, điểm du lịch. Kiểm tra việc chấp hành các quy định trong lĩnh vực hoạt động du lịch, xây dựng môi trường du lịch văn minh, chuyên nghiệp.

- Chủ trì tham mưu ban hành hoặc đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế/chính sách phát triển du lịch; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển sản phẩm, thị trường, xúc tiến quảng bá, chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết phát triển du lịch và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ môi trường; phối hợp rà soát khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và quỹ đất phục vụ phát triển du lịch theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực được giao; phối hợp hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng; phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch.

- Quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng, khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định; phối hợp rà soát, hướng dẫn việc khai thác phù hợp tiềm năng cảnh quan, sinh thái của các hồ, đập, sông, kênh, rạch và các công trình có liên quan để phục vụ phát triển du lịch theo quy định, bảo đảm không ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ chính của công trình, an toàn công trình, an ninh nguồn nước và các yêu cầu về phòng, chống thiên tai.

- Phối hợp phát triển các điểm du lịch nông nghiệp, làng nghề gắn với du lịch; phát huy giá trị và quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh gắn với phát triển du lịch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Du lịch và các đơn vị liên quan tổng hợp danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực du lịch dịch vụ, trình UBND tỉnh theo quy định. Hướng dẫn triển khai công tác điều chỉnh “Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh phương án bố trí vốn cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch trọng điểm và các dự án đầu tư công trung hạn trong lĩnh vực du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ thẩm định, tham mưu về đầu tư, tài chính, ngân sách đối với các chương trình, dự án lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền theo quy định, báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các cơ quan, đơn vị, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức liên quan lập, trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch; phối hợp tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư, phát triển du lịch.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, kiểu dáng kiến trúc phù hợp với cảnh quan trong các công trình du lịch và các công trình công cộng trong các khu, điểm du lịch.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai quy hoạch các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung hoàn thiện đúng tiến độ đối với các tuyến giao thông đang được xây dựng, nâng cấp, mở rộng do Sở là chủ đầu tư.

- Triển khai các dự án giao thông trong đó ưu tiên phát triển các dự án kết cấu hạ tầng giao thông đến các khu, điểm du lịch để vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa tạo điều kiện cho phát triển du lịch, phối hợp tham mưu triển khai các quy hoạch, dự án kết cấu hạ tầng giao thông thuộc lĩnh vực quản lý và theo phân công của UBND tỉnh,...phục vụ phát triển du lịch.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư, mở thêm các tuyến xe buýt đến các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho du khách và Nhân dân địa phương đi lại, tham quan du lịch; thực hiện thủ tục nhanh, hiệu quả để cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển khách du lịch cho các cá nhân, doanh nghiệp hội đủ các điều kiện.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với Sở Du lịch trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, lễ hội, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, lễ hội phục vụ phát triển du lịch; góp phần hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch sự kiện và du lịch thể thao đặc trưng của tỉnh.

- Lập hồ sơ khoa học xếp hạng các di tích, lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của tỉnh.

6. Sở Công Thương

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và địa phương sản xuất các sản phẩm quà tặng, đồ thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch.

- Phối hợp Sở Du lịch, các hiệp hội ngành nghề phát triển sản phẩm hàng hóa, dịch vụ phục vụ du lịch; tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thương mại dịch vụ, trong đó có doanh nghiệp du lịch, tham gia các hội chợ, triển lãm, sự kiện thương mại để giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm du lịch của tỉnh đến người tiêu dùng và du khách trong và ngoài nước.

7. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Du lịch tham mưu về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về du lịch; quan tâm đào tạo, bố trí cán bộ có năng lực, am hiểu văn hóa bản địa tại các địa bàn có điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp tham mưu triển khai các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển du lịch; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer gắn với phát triển du lịch bền vững; tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường xã hội tại điểm đến.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, hỗ trợ ngành du lịch ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý tài nguyên, cơ sở kinh doanh dịch vụ, hoạt động kinh doanh, khách du lịch và tuyên truyền quảng bá du lịch.

- Phối hợp với Sở Du lịch trong hoạt động chuyển đổi số, xây dựng hệ thống thông tin số du lịch.

10. Sở Y tế: Phối hợp bảo đảm công tác y tế, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh tại các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống và các sự kiện du lịch; đồng thời phối hợp nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng kết hợp trị liệu và dược liệu.

11. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trong các hoạt động tại các khu, điểm du lịch; địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới, biển đảo, cửa khẩu và các sự kiện du lịch; xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho du khách và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh.

- Phối hợp các ngành thực hiện tốt công tác an toàn giao thông, công tác xuất nhập cảnh; công tác phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường an toàn, văn minh gắn với phát triển du lịch của tỉnh.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh công tác đào tạo nghề, nâng cao nguồn nhân lực cho phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, chú ý đến đào tạo về lịch sử, văn hóa và ngoại ngữ, tin học,...

- Tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường; phát triển bồi dưỡng những người có năng khiếu tạo nguồn cho hướng dẫn viên du lịch tại các địa phương.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp phối hợp tham gia và hỗ trợ các ngành, đơn vị liên quan và chính quyền các cấp trong công tác phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Kế hoạch.

14. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch của địa phương; tổ chức/tham gia các hội chợ, famtrip, presstrip; đề xuất các giải pháp hỗ trợ kết nối thị trường và kêu gọi đầu tư dự án trọng điểm lĩnh vực du lịch; tổ chức ứng dụng công nghệ số trong công tác xúc tiến, quảng bá.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch xúc tiến, kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch hàng năm hoặc 05 năm của tỉnh trên cơ sở thực hiện các nội dung liên quan được nêu trong Kế hoạch.

15. Các sở, ban, ngành liên quan: Các sở, ban, ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với Sở Du lịch tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch; xây dựng nội dung, giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

16. Báo và phát thanh, truyền hình An Giang: Phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, sản phẩm, sự kiện và điểm đến du lịch của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số; tăng cường xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, phim ngắn và chương trình truyền thông chuyên đề về du lịch An Giang.

17. Điện lực An Giang, Viễn thông An Giang: Phối hợp bảo đảm cung cấp điện, hạ tầng viễn thông, internet và các điều kiện kỹ thuật cần thiết phục vụ hoạt động du lịch, nhất là tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ phát triển hạ tầng số, Wi-Fi công cộng, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số phục vụ du khách.

18. UBND các xã, phường, đặc khu

- Tùy theo tình hình địa phương, xây dựng kế hoạch phát triển du lịch/lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển du lịch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Có các biện pháp quản lý và bảo vệ tốt tài nguyên du lịch, cảnh quan, môi trường tự nhiên và xã hội; thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch có trách nhiệm, thực hiện nếp sống văn minh du lịch, xây dựng môi trường du lịch an toàn, thân thiện; có trách nhiệm phối kết hợp với các ngành chức năng khai thác tài nguyên phát triển du lịch và triển khai thực hiện các dự án đầu tư cơ sở dịch vụ du lịch tại địa phương,...

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các ngành, đơn vị có liên quan khảo sát, nghiên cứu, tham mưu lập quy hoạch chi tiết hoặc đề nghị lập quy hoạch chi tiết các khu vực có tiềm năng du lịch, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh đưa vào danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư; chủ động đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn; phối hợp chuẩn bị giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch dự án và hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ.

- Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, lễ hội, làng nghề, làng văn hóa và tài nguyên du lịch trên địa bàn; phân công rõ trách nhiệm quản lý, vận hành, giám sát và huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch bền vững.

19. Các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh: Tham gia đào tạo nguồn nhân lực du lịch đảm bảo đáp ứng số lượng, chất lượng, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh.

20. Hiệp hội Du lịch tỉnh: Phát huy vai trò, tăng cường liên kết, hợp tác, hỗ trợ các hội viên trong hoạt động kinh doanh du lịch; liên kết với Hiệp hội Du lịch của các tỉnh, thành để mở rộng, kết nối các tour, tuyến, đưa khách du lịch đến An Giang; giữ vai trò cầu nối giữa cộng đồng kinh doanh du lịch với các cơ quan liên quan, đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường.

Ngoài những nhiệm vụ được nêu tại Kế hoạch này, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện đồng bộ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp quy định tại

Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của UBND tỉnh và trong Báo cáo tổng hợp Đề án “Phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035”. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành và địa phương kịp thời phản ánh (qua Sở Du lịch) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. *pm*

Nơi nhận: *Dat*

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Du lịch (05 b);
- Đảng ủy, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình An Giang;
- Điện lực An Giang;
- Viễn thông An Giang;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- P. KGVX;
- Lưu: VT, tqdat “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước